

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 27

23  
CÔNG  
C  
RA

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
Ông Đặng Như Bình	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017 và miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2017)
Ông Cao Bình	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)
Ông Tô Việt Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)

#### Ban Giám đốc

Ông Phạm Duy Hùng	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2017)
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2017 và miễn nhiệm ngày 29 tháng 07 năm 2017)
Ông Đặng Như Bình	Giám đốc điều hành (miễn nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2017)
Bà Nguyễn Đỗ Thanh Phương	Phó Giám đốc
Ông Đặng Vĩnh Hùng	Phó Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)
Ông Đoàn Duy Hiền	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)
Bà Trần Thị Quỳnh Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)
Ông Nguyễn Mạnh Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)
Ông Bùi Hoàng Chương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2017)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Duy Hùng**  
**Giám đốc**

Ngày 05 tháng 09 năm 2017



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 01.09/2017/BCSX-IFC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Càng Rau Quả

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Càng Rau Quả (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 09 năm 2017, từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa kèm theo. Chúng tôi đã tiến hành cuộc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2400 - Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính quá khứ. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi đưa ra kết luận rằng liệu có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo khuôn khổ về lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng hay không. Chuẩn mực này cũng yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.

Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực này là dịch vụ đảm bảo có giới hạn. Kiểm toán viên thực hiện các thủ tục, chủ yếu gồm phỏng vấn Ban Giám đốc và các nhân sự khác trong đơn vị, nếu thích hợp, thủ tục phân tích và đánh giá bằng chứng thu thập được.

Các thủ tục được thực hiện trong dịch vụ soát xét ít hơn đáng kể so với cuộc kiểm toán được tiến hành theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính này.



**Khúc Đình Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0748-2013-072-1

Ngày 05 tháng 09 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>784.224.232.390</b>	<b>76.807.305.103</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.861.923.465</b>	<b>28.540.247.132</b>
1. Tiền	111		9.861.923.465	8.447.052.688
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	20.093.194.444
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>15.139.791.667</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	15.139.791.667	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>742.862.173.156</b>	<b>46.676.505.779</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	680.230.093.344	49.505.620.210
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.177.539.523	5.246.171.448
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	68.800.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10.a	6.196.631.579	1.249.968.895
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(14.542.091.290)	(9.325.254.774)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.096.000</b>	<b>3.582.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	12	3.096.000	3.582.000
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.357.248.102</b>	<b>1.586.970.192</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	324.670.607	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	75.627.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	2.032.577.495	1.511.342.797
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>91.338.066.517</b>	<b>85.349.206.893</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>25.400.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	10.b	-	25.400.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.630.091.647</b>	<b>14.984.404.522</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	17.630.091.647	14.940.237.851
- Nguyên giá	222		43.117.692.252	47.144.266.436
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.487.600.605)	(32.204.028.585)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	44.166.671
- Nguyên giá	228		-	188.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(143.833.329)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>73.669.943.358</b>	<b>70.143.761.530</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	73.669.943.358	70.143.761.530
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.031.512</b>	<b>195.640.841</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	38.031.512	195.640.841
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>875.562.298.907</b>	<b>162.156.511.996</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>723.197.545.719</b>	<b>8.689.680.476</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>721.671.545.719</b>	<b>8.689.680.476</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	119.087.087	1.127.005.347
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	131.220.000.000	9.200.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	771.654.720	1.392.321.535
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	2.757.748.250	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	2.056.121.331	3.164.668.362
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	584.700.000.000	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		46.934.331	2.996.485.232
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.526.000.000</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	1.526.000.000	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>152.364.753.188</b>	<b>153.466.831.520</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>152.364.753.188</b>	<b>153.466.831.520</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.146.920.000	82.146.920.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		82.146.920.000	82.146.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.390.192.180	32.390.192.180
3. Cổ phiếu quỹ	415		(8.157.331.384)	(8.157.331.384)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.917.711.068	36.917.711.068
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.419.240	1.176.497.572
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		74.419.240	1.176.497.572
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		8.992.842.084	8.992.842.084
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>875.562.298.907</b>	<b>162.156.511.996</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



Nguyễn Thị Cẩm Vang  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 09 năm 2017

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Phạm Duy Hùng  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	666.621.767.277	20.502.195.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		666.621.767.277	20.502.195.160
4. Giá vốn hàng bán	11	25	658.934.460.025	13.499.446.970
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.687.307.252	7.002.748.190
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.522.801.478	3.311.545.583
7. Chi phí tài chính	22	27	4.906.447.361	118.416.277
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.905.509.116	114.365.944
8. Chi phí bán hàng	25	28	2.090.516.415	2.926.900.357
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	8.630.551.981	2.931.520.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		(2.417.407.027)	4.337.456.246
11. Thu nhập khác	31	30	3.368.432.567	34.627.617
12. Chi phí khác	32	31	677.703	32.060.450
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.367.754.864	2.567.167
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		950.347.837	4.340.023.413
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	198.316.454	875.451.569
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		752.031.383	3.464.571.844
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	10	368



Nguyễn Thị Cẩm Vang  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 09 năm 2017


Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Phạm Duy Hùng  
Giám đốc





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

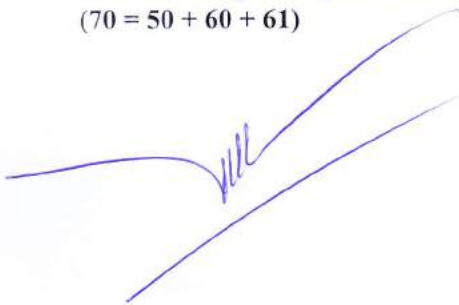
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	950.347.837	4.340.023.413
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.476.900.287	1.343.417.471
Các khoản dự phòng	03	5.216.836.516	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.149.264.683)	(900.833.078)
Chi phí lãi vay	06	4.905.509.116	114.365.944
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.400.329.073	4.896.973.750
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(636.241.542.928)	3.785.457.033
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	486.000	884.728
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	131.318.117.774	2.489.921.173
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(184.600.416)	(34.078.699)
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.464.007.546)	(114.365.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(719.551.152)	(480.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.803.660.616)	(2.781.734.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(505.694.429.811)	7.763.057.141
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.923.819.665)	(9.717.412.778)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.882.045.455	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(87.139.791.667)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.200.000.000	11.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	299.875.221	954.270.578
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(83.681.690.656)	2.736.857.800



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	649.700.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(65.000.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.203.200)	(7.141.545.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>584.697.796.800</b>	<b>(7.141.545.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(4.678.323.667)</b>	<b>3.358.369.941</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.540.247.132	1.989.452.051
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	23.861.923.465	5.347.821.992



Nguyễn Thị Cẩm Vang  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 09 năm 2017



Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Phạm Duy Hùng  
Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Căng Rau Quả (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Giao Nhận Kho Vận Rau Quả (doanh nghiệp nhà nước là thành viên của Tổng Công ty Rau Quả Việt Nam) theo quyết định số 20/02/2001/QĐ-TTg ngày 20/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302336158 ngày 25 tháng 05 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 08 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.146.920.000 VND, được chia thành 8.214.692 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 35 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 43).

**Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; đại lý, môi giới, đấu giá; bán buôn thực phẩm; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bốc xếp hàng hóa; dịch vụ đóng gói; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; điều hành tua du lịch; chế biến và bảo quản rau quả; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; bán buôn kim loại và quặng kim loại; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất sản phẩm gốm sứ khác (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất si măng, vôi và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở); trồng rừng và chăm sóc rừng (không hoạt động tại trụ sở); khai thác gỗ; cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (không hoạt động tại trụ sở); bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở); sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là bán buôn hàng hóa nông sản, khai thác cảng, phao neo tàu, cho thuê kho bãi, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa đường bộ bằng container, vận tải hàng hóa bằng ô tô.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 hàng năm.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được lập theo các quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	10 - 11
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 11

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

MẪU SỐ B 09a-DN

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, tiền thuê đất và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty là tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phải nộp vào ngân sách nhà nước và các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kê toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	163.915.766	68.499.334
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.698.007.699	8.378.553.354
Các khoản tương đương tiền (i)	14.000.000.000	20.093.194.444
<b>Cộng</b>	<b>23.861.923.465</b>	<b>28.540.247.132</b>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	15.139.791.667	-
<b>Cộng</b>	<b>15.139.791.667</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (i)	399.925.203.900	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm (ii)	250.541.676.000	-
Công ty TNHH Gotec Việt Nam	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	29.084.182.579	31.273.292.549
Công ty TNHH An Hạ Long An	173.044.250	1.578.812.848
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	-	1.257.920.301
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hoàng Kim Phát	-	2.684.762.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	505.986.615	2.710.832.512
<b>Cộng</b>	<b>680.230.093.344</b>	<b>49.505.620.210</b>

*Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan*

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (i)	399.925.203.900	-
<b>Cộng</b>	<b>399.925.203.900</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản phải thu từ việc bán 80.000 tấn ngô hạt cho Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần. Như đã trình bày tại thuyết minh số 21, quyền đòi nợ từ hợp đồng mua bán này đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phú Nhuận.

(ii) Đây là khoản phải thu theo hợp đồng bán 50.000 tấn ngô hạt cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm.

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Quản lý Bất động sản Vinhomes	1.498.043.914	1.498.043.911
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại P&T	-	2.915.061.928
NPT Steel. LLC	345.570.337	345.570.337
Triple-S Steel Supply	202.675.272	202.675.272
Công ty Luật TNHH Nguyễn Lê	131.250.000	131.250.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	-	153.570.000
<b>Cộng</b>	<b>2.177.539.523</b>	<b>5.246.171.448</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)	68.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>68.800.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Số dư phải thu về cho vay cuối kỳ là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T vay ngắn hạn theo các hợp đồng cho vay sau:

+ Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 01.06/2017/HĐVV/CRQ-T&T ký ngày 26 tháng 06 năm 2017, hạn mức cho vay là 62.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là không quá 12 tháng kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2017, lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản tiền cho vay này không được đảm bảo bằng tài sản nào từ Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Số dư khoản cho vay trên tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 62 tỷ VND;

+ Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 17.04/2017/HĐVV/CRQ-T&T ký ngày 17 tháng 04 năm 2017 với hạn mức cho vay là 10.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là không quá 12 tháng kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2017, lãi suất cho vay là 8,5%/năm. Khoản tiền cho vay này không được đảm bảo bằng tài sản nào từ Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 số dư khoản cho vay trên là 6.800.000.000 VND.

**10. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu lãi bán hàng trả chậm Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	3.972.825.151	-
Phải thu lãi quá hạn thanh toán Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	789.109.970	-
Phải thu lãi bán hàng trả chậm Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	554.972.460	-
Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	162.444.445	
Tạm ứng cho nhân viên	113.326.000	147.326.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	478.347.588	94.722.300
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	40.206.711	920.852.476
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	32.000.000	-
Phải thu khác	53.399.254	87.068.119
	<b>6.196.631.579</b>	<b>1.249.968.895</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	-	25.400.000
	-	<b>25.400.000</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	3.972.825.151	-
<b>Cộng</b>	<b>3.972.825.151</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

MÃU SỐ B 09a-DN

**11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	30/06/2017		01/01/2017		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND							
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.084.182.579	14.542.091.290	1-2 năm	31.273.292.549	21.948.037.775	<1 năm	21.948.037.775	<1 năm	31.273.292.549	21.948.037.775	Công ty Cổ phần Otrant Miền Nam
<b>Cộng</b>	<b>29.084.182.579</b>	<b>14.542.091.290</b>		<b>31.273.292.549</b>	<b>21.948.037.775</b>		<b>21.948.037.775</b>		<b>31.273.292.549</b>	<b>21.948.037.775</b>	
<b>Giá trị đã trích lập dự phòng</b>		<b>14.542.091.289</b>			<b>9.325.254.774</b>					<b>9.325.254.774</b>	

**12. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.096.000	-	-	3.582.000
<b>Cộng</b>	<b>3.096.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.582.000</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>324.670.607</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tiền thuê đất	324.670.607	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>38.031.512</b>	<b>195.640.841</b>	<b>195.640.841</b>	<b>195.640.841</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	10.410.457	60.510.529	60.510.529	60.510.529
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.621.055	135.130.312	135.130.312	135.130.312
<b>Cộng</b>	<b>362.702.119</b>	<b>195.640.841</b>	<b>195.640.841</b>	<b>195.640.841</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAU QUẢ  
Số 01 Nguyễn Văn Quỳ, phường Phú Thuận,  
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 06 năm 2017

MẪU SỐ B 09a-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	29.997.453.264	936.242.088	14.008.262.153	543.330.222	1.658.978.709	47.144.266.436
XDCB hoàn thành	7.683.774.000	-	-	-	-	7.683.774.000
Thanh lý, nhượng bán	(115.013.636)	-	(11.595.334.548)	-	-	(11.710.348.184)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>37.566.213.628</b>	<b>936.242.088</b>	<b>2.412.927.605</b>	<b>543.330.222</b>	<b>1.658.978.709</b>	<b>43.117.692.252</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2017	21.000.715.170	706.465.578	8.294.538.906	543.330.222	1.658.978.709	32.204.028.585
Khấu hao trong kỳ	699.687.008	14.067.948	748.423.110	-	-	1.462.178.066
Thanh lý, nhượng bán	(115.013.636)	-	(8.063.592.410)	-	-	(8.178.606.046)
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>21.585.388.542</b>	<b>720.533.526</b>	<b>979.369.606</b>	<b>543.330.222</b>	<b>1.658.978.709</b>	<b>25.487.600.605</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2017	<b>8.996.738.094</b>	<b>229.776.510</b>	<b>5.713.723.247</b>	-	-	<b>14.940.237.851</b>
Tại ngày 30/06/2017	<b>15.980.825.086</b>	<b>215.708.562</b>	<b>1.433.557.999</b>	-	-	<b>17.630.091.647</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 19.367.057.486 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 22.885.803.868 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bất động sản ở Bảo Lộc - Lâm Đồng (i)	36.972.540.195	35.972.540.195
Khu Thương mại Kim Thành Lào Cai (ii)	18.155.930.592	18.155.930.592
Giá trị đầu tư 8 căn hộ Vinhomes Central Park	17.823.965.071	15.201.783.243
Bất động sản ở Bình Dương	717.507.500	717.507.500
Chi phí khác	-	96.000.000
<b>Cộng</b>	<b>73.669.943.358</b>	<b>70.143.761.530</b>

(i) Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất lô B1, lô B2, lô B3, tờ bản đồ số QH khu dân cư kế cận Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông Đô 1 chưa hoàn tất thủ tục pháp lý và chính thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty do dự án đang còn trong giai đoạn hoàn thiện hạ tầng cơ sở. Như thuyết minh số 21, quyền sử dụng đất này đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phú Nhuận.

(ii) Đây là dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại - khách sạn và văn phòng cho thuê theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000026 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, lần thay đổi giấy chứng nhận gần nhất là ngày 15 tháng 10 năm 2009. Như thuyết minh số 21, quyền sử dụng đất của dự án trên đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phú Nhuận.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phạm Quỳnh Trâm	28.276.364	28.276.364	383.148.245	383.148.245
Công ty Cổ phần Tiếp vận Như Long	30.727.273	30.727.273	101.418.181	101.418.181
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dịch vụ Dầu Khí	33.377.400	33.377.400	33.377.400	33.377.400
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafeo	-	-	420.454.544	420.454.544
Công ty Cổ phần Nhật Việt	-	-	35.454.544	35.454.544
Phải trả nhà cung cấp khác	26.706.050	26.706.050	153.152.433	153.152.433
<b>Cộng</b>	<b>119.087.087</b>	<b>119.087.087</b>	<b>1.127.005.347</b>	<b>1.127.005.347</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ (i)	131.220.000.000	-
Công ty TNHH Kho vận Á Châu	-	9.200.000
<b>Cộng</b>	<b>131.220.000.000</b>	<b>9.200.000</b>

(i) Đây là khoản tiền Công ty đã nhận trước theo hợp đồng bán hàng cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ Công Mỹ Nghệ 30.000 tấn ngô hạt. Thời gian giao hàng dự kiến từ ngày 20 tháng 07 năm 2017 đến ngày 20 tháng 11 năm 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2017 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.511.342.797	198.316.454	719.551.152	2.032.577.495
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.511.342.797</b>	<b>198.316.454</b>	<b>719.551.152</b>	<b>2.032.577.495</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.328.281.856	1.643.814.959	684.466.897
Thuế thu nhập cá nhân	1.161.321.535	87.187.823	1.161.321.535	87.187.823
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	231.000.000	1.697.722.472	1.928.722.472	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.392.321.535</b>	<b>4.116.192.151</b>	<b>4.736.858.966</b>	<b>771.654.720</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí thuê đất phải trả	1.436.213.330	-
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	1.240.284.920	-
Chi phí lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	81.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.757.748.250</b>	<b>-</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	163.374.120	165.577.320
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.844.754.042	2.651.959.042
Các khoản phải trả khác	47.993.169	347.132.000
	<b>2.056.121.331</b>	<b>3.164.668.362</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.526.000.000	-
	<b>1.526.000.000</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/07/2017		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phú Nhật (i)	584.700.000.000	584.700.000.000	584.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	-	-	65.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>584.700.000.000</b>	<b>584.700.000.000</b>	<b>649.700.000.000</b>	<b>65.000.000.000</b>

(i) Số dư vay nợ cuối kỳ là khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Phú Nhuận theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 13/2017/HĐTDNH-PN/SHB.130111 ký ngày 24 tháng 05 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng là 359.500.000.000 VND, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày 24 tháng 05 năm 2017. Lãi suất cho vay trong kỳ hạn đầu tiên là 9,4%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm (VND) kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay là 3%/năm. Khoản tiền vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
  - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thừa đất số 522, tờ bản đồ số 03 xã Phú Mỹ, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
  - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thừa đất số 19, tờ bản đồ số 03 phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
  - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Lô K28 và Lô K32, đường nối D3-T4, khu thương mại Kim Thành, xã Đồng Thuận, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai;
  - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thừa đất số Lô B1, Lô B2, Lô B3, tờ bản đồ số: quy hoạch khu dân cư kế cận Khu CN Lộc Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;
  - Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán hàng hóa số 0805-2017/CRQ-VEG/80K ký ngày 08 tháng 05 năm 2017 với Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần;
  - Thừa đất số 1,2, tờ bản đồ số: 3 (A3), ấp An Hòa, xã An Sơn, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của ông Cao Bình.
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 16/2017/HĐTDNH-PN/SHB.130111 ký ngày 15 tháng 06 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, hạn mức tín dụng là 225.200.000.000 VND, thời hạn vay là 06 tháng kể từ 16 tháng 06 năm 2017. Lãi suất cho vay trong kỳ hạn đầu tiên là 9,4%/năm, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm (VND) kỳ hạn 06 tháng trả lãi cao nhất của SHB tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay là 3%/năm. Công ty đã sử dụng quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa số 3005-2017/CRQ-HK/50K ký ngày 30 tháng 05 năm 2017 với Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm để thế chấp cho khoản vay này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

MẪU SỐ B 09a-DN

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư XDCB		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>-</b>	<b>32.390.192.180</b>	<b>(8.157.331.384)</b>	<b>35.485.069.729</b>	<b>25.965.296.393</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>176.822.989.002</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>7.437.235.172</b>	<b>-</b>	<b>7.437.235.172</b>	<b>-</b>	<b>176.822.989.002</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	7.437.235.172	-	-	-	-	-	-	-	7.437.235.172
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.432.641.339	(1.432.641.339)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(12.793.772.054)	-	-	-	-	-	-	-	(12.793.772.054)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(17.999.620.600)	-	-	-	-	-	-	-	(17.999.620.600)
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>-</b>	<b>32.390.192.180</b>	<b>(8.157.331.384)</b>	<b>36.917.711.068</b>	<b>1.176.497.572</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>153.466.831.520</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>752.031.383</b>	<b>-</b>	<b>752.031.383</b>	<b>-</b>	<b>153.466.831.520</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(1.854.109.715)	-	-	-	-	-	-	-	(1.854.109.715)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	74.419.240	-	-	-	-	-	-	-	74.419.240
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>	<b>82.146.920.000</b>	<b>-</b>	<b>32.390.192.180</b>	<b>(8.157.331.384)</b>	<b>36.917.711.068</b>	<b>74.419.240</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>152.364.753.188</b>	<b>8.992.842.084</b>	<b>752.031.383</b>	<b>-</b>	<b>752.031.383</b>	<b>-</b>	<b>152.364.753.188</b>

Đại hội cổ đông thường niên ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.214.692	8.214.692
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	8.214.692	8.214.692
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.214.692	8.214.692
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	388.770	388.770
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	388.770	388.770
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.825.922	7.825.922
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.825.922	7.825.922
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ các loại		
- USD	7.484,25	7.499,24
- EUR	861,36	866,77
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	3.261.862.048	3.261.862.048

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa	650.466.879.900	966.790.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.154.887.377	19.535.405.160
<b>Cộng</b>	<b>666.621.767.277</b>	<b>20.502.195.160</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	649.818.010.450	935.000.000
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	9.116.449.575	12.564.446.970
<b>Cộng</b>	<b>658.934.460.025</b>	<b>13.499.446.970</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lãi tiền gửi tiết kiệm, tiền cho vay	845.944.954	900.993.210
Lãi bán hàng trả chậm	4.676.856.524	2.410.552.373
<b>Cộng</b>	<b>5.522.801.478</b>	<b>3.311.545.583</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	4.905.509.116	114.365.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	3.106.904
Chi phí tài chính khác	938.245	943.429
<b>Cộng</b>	<b>4.906.447.361</b>	<b>118.416.277</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên	920.814.982	1.641.684.906
Các khoản chi phí khác	1.169.701.433	1.285.215.451
<b>Cộng</b>	<b>2.090.516.415</b>	<b>2.926.900.357</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.692.534.647	1.847.857.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	331.583.466	236.259.932
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	5.216.836.516	-
Các khoản chi phí khác	1.389.597.352	847.403.265
<b>Cộng</b>	<b>8.630.551.981</b>	<b>2.931.520.893</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.303.319.729	-
Các khoản thu nhập khác	65.112.838	34.627.617
<b>Cộng</b>	<b>3.368.432.567</b>	<b>34.627.617</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	32.000.000
Các khoản chi phí khác	677.703	60.450
<b>Cộng</b>	<b>677.703</b>	<b>32.060.450</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	101.958.753
Chi phí nhân công	2.613.349.629	3.489.542.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.476.900.287	1.343.417.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.539.256.529	11.787.586.147
Chi phí khác bằng tiền	4.991.175.010	1.700.363.247
<b>Cộng</b>	<b>14.620.681.455</b>	<b>18.422.868.220</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	950.347.837	4.340.023.413
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	41.234.432	37.234.432
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>41.234.432</i>	<i>37.234.432</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>991.582.269</b>	<b>4.377.257.845</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	198.316.454	875.451.569
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>198.316.454</b>	<b>875.451.569</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	752.031.383	3.464.571.844
Trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(677.612.143)	(588.248.786)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<b>74.419.240</b>	<b>2.876.323.058</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	7.825.922	7.825.922
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>10</b>	<b>368</b>

(i) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ là số tạm trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo tài chính kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.668.591.520	1.182.818.785
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Trong vòng một năm	3.823.037.526	3.823.037.526
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	9.934.031.415	11.720.070.978
Sau năm năm	5.897.522.400	6.023.001.600
<b>Cộng</b>	<b>19.654.591.341</b>	<b>21.566.110.104</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 39.854,5 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 3 tại địa chỉ số 01 đường Nguyễn Văn Quý, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê tạm tính 89.628 VND/m<sup>2</sup>/năm, thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm tính từ năm 2012.

- Tổng số tiền thuê 2.800 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 522 tại phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê tạm tính 89.628 VND/m<sup>2</sup>/năm, thời hạn của hợp đồng thuê đất là 45 năm tính từ năm 2001.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**36. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể	
<i>Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:</i>		
	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần</b>		
Bán hàng hóa	399.925.203.900	-
<i>Số dư với các bên liên quan:</i>		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa	399.925.203.900	-
Phải thu lãi bán hàng trả chậm	3.972.825.151	-
<i>Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ</i>		
	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
	đến 30/06/2017	đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương và thưởng	437.000.000	135.000.000
Cộng	<b>437.000.000</b>	<b>135.000.000</b>

**37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Vào ngày 29 tháng 07 năm 2017, ông Nguyễn Đăng Khoa chính thức từ nhiệm chức vụ ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty. Cũng trong ngày này, ông Phạm Duy Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty thay thế ông Nguyễn Đăng Khoa.

Ngày 08 tháng 08 năm 2017, Công ty chịu sự kiểm soát về quản trị và điều hành từ Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và chính thức trở thành công ty con của công ty này.

**38. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Trong kỳ, Công ty đã điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ báo cáo 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 do ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 như đã trình bày tại Thuyết minh số 34.

Các chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (Số đã soát xét) VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (Sau điều chỉnh) VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	443	(75)	368

Nguyễn Thị Cẩm Vang  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 09 năm 2017

Trương Thị Hải Yến  
Kế toán trưởng

Phạm Duy Hùng  
Giám đốc

